

BỘ NỘI VỤ

QUYẾT ĐỊNH số 35/2005/QĐ-BNV
ngày 18/3/2005 của Bộ trưởng
Bộ Nội vụ về việc phê duyệt
bản Điều lệ sửa đổi của Liên
đoàn Cờ Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Liên đoàn Cờ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ sửa đổi của Liên đoàn Cờ Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV ngày 05/12/2004 của Liên đoàn thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Liên đoàn Cờ Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Thứ trưởng

Đặng Quốc Tiến

ĐIỀU LỆ Liên đoàn Cờ Việt Nam

(sửa đổi, ban hành kèm theo Quyết định số 35/2005/QĐ-BNV ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Bộ Nội vụ).

Chương I

**TÊN GỌI, TÊN CHỈ,
MỤC ĐÍCH**

Điều 1. Tên gọi

“Liên đoàn Cờ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (trước đây là Hội Cờ Việt Nam), gọi tắt là “Liên đoàn Cờ Việt Nam”, viết tắt là LĐCVN. Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Chess Federation, viết tắt là VCF.

Điều 2. Tên chỉ, mục đích

Liên đoàn Cờ Việt Nam là một tổ chức xã hội về lĩnh vực thể thao có tính chất văn hóa, nghề nghiệp, tập hợp rộng rãi mọi người chơi và hoạt động về các loại

cờ vua, cờ tướng, cờ vây tự nguyện hoạt động trong tổ chức của Liên đoàn.

Hoạt động của LĐCVN là nhằm phát huy vai trò chủ động của quần chúng, thu hút ngày càng nhiều người Việt Nam thuộc mọi lứa tuổi, giới tính, dân tộc, nghề nghiệp, tập luyện, thi đấu, tuyên truyền, ủng hộ, giúp đỡ phát triển và nâng cao chất lượng phong trào cờ trong cả nước; góp phần rèn luyện trí não, bồi dưỡng phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam phục vụ cho công cuộc đổi mới và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tăng cường khả năng trao đổi văn hóa, thể thao với các nước và đưa Bộ môn Cờ nhanh chóng phát triển đạt trình độ cao quốc tế.

Điều 3. Phạm vi hoạt động

LĐCVN có phạm vi hoạt động trong cả nước.

LĐCVN là thành viên của Olympic quốc gia Việt Nam và là thành viên chính thức của Liên đoàn Cờ Vua Thế giới (FIDE), Liên đoàn Cờ Tướng Thế giới (WXF), Liên đoàn Cờ Vây Quốc tế (IGF), Liên đoàn Cờ Tướng Châu Á (AXF), Liên đoàn Cờ Vua Đông Nam Á (ACC).

LĐCVN hoạt động theo quy định của luật pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chịu sự quản lý nhà nước về thể dục thể thao của Ủy ban Thể dục Thể thao.

Điều 4. Tư cách pháp nhân

Liên đoàn Cờ Việt Nam có tư cách pháp nhân, có biểu tượng riêng, có con dấu và tài khoản riêng.

Trụ sở của LĐCVN đặt tại Hà Nội.

Chương II

NHIỆM VỤ

Điều 5. Kiến nghị chủ trương, chính sách

Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của LĐCVN.

Kiến nghị với các cơ quan quản lý thể dục thể thao và các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước về các chủ trương, chính sách, kế hoạch, biện pháp và đầu tư nhằm phát triển và nâng cao trình độ các môn cờ ở nước ta.

Điều 6. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao

6.1. Phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý nhà nước về thể dục thể thao để:

6.1.1. Xây dựng phong trào chơi cờ rộng rãi trong nhân dân, nhất là đối với thanh, thiếu nhi, học sinh trong toàn quốc;

6.1.2. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đào tạo tài năng thể thao;

6.1.3. Xây dựng kế hoạch quản lý, đào

tạo và sử dụng các đội dự tuyển, đội tuyển thể thao quốc gia về môn Cờ;

6.1.4. Đề xuất và tham gia tuyển chọn vận động viên, huấn luyện viên các đội tuyển thể thao quốc gia môn Cờ tham dự các đại hội thể thao khu vực, châu lục, thế giới, Olympic Cờ Vua và các giải quốc tế khác;

6.1.5. Chỉ đạo công tác thi đấu quốc tế của đội tuyển quốc gia các môn cờ;

6.1.6. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài;

6.1.7. Xây dựng hệ thống tổ chức thi đấu, tổ chức điều hành các hoạt động thi đấu toàn quốc và địa phương theo kế hoạch thi đấu hàng năm của ngành Thể dục Thể thao và của LĐCVN (bao gồm việc ban hành điều lệ các giải, tổ chức thi đấu và chỉ đạo trọng tài).

6.2. Phối hợp với cơ quan khác, tổ chức liên quan để phát triển môn Cờ.

6.3. Hướng dẫn xây dựng các tổ chức của Liên đoàn Cờ hoặc hội cờ (sau đây gọi chung là hội) ở địa phương, cơ sở; phát triển hội viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ của LĐCVN.

6.4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Liên đoàn và hội viên.

6.5. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền mục đích của LĐCVN, biên soạn

tài liệu nghiệp vụ, xuất bản sách, tạp chí chuyên môn về cờ.

6.6. Xét và đề nghị các cơ quan chức năng nhà nước về việc phong cấp, giáng cấp các vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài của môn Cờ.

6.7. Phát triển mối quan hệ hợp tác, giao lưu với các tổ chức Cờ Quốc tế; tham gia thi đấu trao đổi kinh nghiệm, hợp tác, tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức Quốc tế và Việt kiều về vật chất và nghiệp vụ để mở rộng sự hoạt động của LĐCVN.

6.8. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của LĐCVN (trụ sở, phương tiện, dụng cụ về cờ...), tổ chức hoạt động kinh tế, dịch vụ, sản xuất, tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức kinh tế, xã hội và cá nhân để gây quỹ phục vụ cho các hoạt động của LĐCVN theo đúng pháp luật hiện hành.

Chương III

HỘI VIÊN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 7. Hội viên

Công dân Việt Nam, bao gồm cán bộ, huấn luyện viên, trọng tài, vận động viên và những người ham thích môn Cờ tán thành Điều lệ của LĐCVN, tự nguyện gia nhập Liên đoàn đều có thể trở thành hội viên của LĐCVN. Những người có công đóng góp lớn cho hoạt động

của LĐCVN thì được kết nạp là hội viên danh dự của LĐCVN.

Điều 8. Điều kiện và tiêu chuẩn gia nhập

8.1. Là công dân Việt Nam, có đạo đức, khả năng và nguyện vọng hoạt động cho phong trào cờ.

8.2. Tán thành Điều lệ LĐCVN, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Liên đoàn và hoạt động trong một tổ chức cơ sở (Câu lạc bộ Cờ) hoặc các tổ chức khác quy định trong Điều lệ của LĐCVN.

8.3. Được sự giới thiệu của một hội viên của LĐCVN và tổ chức của LĐCVN công nhận, cấp thẻ hội viên.

Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên

9.1. Chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của LĐCVN và mọi quy định của tổ chức cơ sở, câu lạc bộ.

9.2. Hoàn thành nhiệm vụ do tổ chức LĐCVN ở cơ sở phân công.

9.3. Tham gia sinh hoạt đều ở tổ chức cơ sở của LĐCVN, rèn luyện môn Cờ, phát triển hội viên mới, đóng hội phí.

Điều 10. Quyền lợi của hội viên

10.1. Thảo luận, biểu quyết các chủ trương, kế hoạch công tác của hội và góp ý kiến lên các cấp của LĐCVN.

10.2. Có quyền bầu cử, ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo của Liên đoàn ở các cấp theo quy định ở đại hội các cấp.

10.3. Có quyền tham gia một cách có tổ chức các hoạt động cờ trong nước và quốc tế.

10.4. Có quyền xin ra khỏi Liên đoàn và thôi giữ các cương vị công tác sau khi đã có đơn gửi Ban Chấp hành Liên đoàn ở đơn vị cơ sở. Trước khi ra Liên đoàn phải bàn giao lại công việc, thiết bị,... và trả lại thẻ hội viên.

Chương IV

NGUYÊN TẮC, HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA LIÊN ĐOÀN

Điều 11. Nguyên tắc tổ chức

11.1. Liên đoàn Cờ Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc dân chủ tập trung. Các cơ quan lãnh đạo của LĐCVN đều do đại hội đại biểu của từng cấp bầu cử dân chủ theo thể thức bỏ phiếu kín. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của mỗi cấp Liên đoàn là đại hội đại biểu (ở cơ sở là đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu).

11.2. Việc tổ chức ở mỗi cấp của LĐCVN phải theo đúng pháp luật quy định.

11.3. Các cấp của LĐCVN hoạt động theo nguyên tắc tự quản trong khuôn khổ luật pháp của Nhà nước và Điều lệ của Liên đoàn Cờ Việt Nam.

Điều 12. Hệ thống tổ chức

Hệ thống tổ chức của Liên đoàn Cờ Việt Nam gồm:

12.1. Cấp cơ sở là “Câu lạc bộ cờ”. Mỗi câu lạc bộ cờ có thể chia thành nhiều “nhóm cờ”, “điểm chơi cờ” hoạt động tại các địa điểm thuận lợi đối với hội viên.

Ở cấp quận, huyện, thị thành lập hội cờ quận, huyện, thị.

12.2. Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Liên đoàn (hoặc hội) cờ tỉnh, thành phố.

12.3. Cấp Trung ương là Liên đoàn Cờ Việt Nam.

Việc thành lập các liên đoàn cờ hoặc hội cờ ở địa phương phải tuân theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Các cơ quan của LĐCVN ở cấp Trung ương

13.1. Đại hội Đại biểu toàn quốc

13.1.1. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của LĐCVN là Đại hội Đại biểu toàn quốc được tổ chức 5 năm 1 lần, do Ban Chấp hành LĐCVN triệu tập. Trường hợp có ít nhất 2/3 tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đề nghị thì Ban Chấp hành Trung ương Liên đoàn quyết định triệu tập Đại hội Đại biểu bất thường. Đại hội Đại biểu phải có ít nhất quá nửa số đại biểu được triệu tập trở lên đến dự mới có giá trị.

13.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội Đại biểu LĐCVN:

13.1.2.1. Kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Chấp hành Trung ương Liên đoàn trong nhiệm kỳ;

13.1.2.2. Xét và thông qua báo cáo, đề án nhiệm kỳ của Ban Chấp hành;

13.1.2.3. Bầu Ban Chấp hành, quyết định số lượng Ủy viên Ban Chấp hành và quyết định sửa đổi Điều lệ LĐCVN.

13.2. Ban Chấp hành Trung ương LĐCVN

13.2.1. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Liên đoàn là 5 năm.

13.2.2. Ban Chấp hành Trung ương LĐCVN 1 năm họp 1 lần, trừ trường hợp bất thường.

13.2.3. Ban Chấp hành Trung ương LĐCVN là cơ quan thay mặt Đại hội Đại biểu trong thời gian giữa 2 kỳ Đại hội có quyền hạn, nhiệm vụ:

13.2.3.1. Bầu ra Ban Thường vụ Liên đoàn theo nguyên tắc được quá nửa số phiếu và gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, các Phó Tổng Thư ký, Trưởng Ban Kiểm tra, các Ủy viên Thường vụ và phân công các Ủy viên Ban Chấp hành;

13.2.3.2. Đặt chương trình kế hoạch và chỉ đạo các cấp hội thực hiện Nghị quyết của đại hội đại biểu; xây dựng chỉ đạo, kiểm tra các tổ chức kinh tế, sản xuất, dịch vụ để tạo cơ sở vật chất và kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động của Trung ương LĐCVN;

13.2.3.3. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của LĐCVN;

13.2.3.4. Triệu tập đại hội đại biểu thường kỳ và bất thường;

13.2.3.5. Chuẩn bị báo cáo và đề án công tác trước Đại hội;

13.2.3.6. Quyết định khen thưởng và kỷ luật đối với hội viên, các tổ chức cấp dưới của Liên đoàn và Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương LĐCVN;

13.2.3.7. Khi cần thiết Ban Chấp hành quyết định bổ sung, thay thế các Ủy viên, nhưng không quá 1/4 số lượng Ủy viên Ban Chấp hành và phải được ít nhất 2/3 tổng số Ủy viên Ban Chấp hành đồng ý.

13.3. Ban Thường vụ LĐCVN

Nhiệm vụ của Ban Thường vụ:

13.3.1. Thay mặt Ban Chấp hành điều hành công việc thường xuyên theo Nghị quyết của Đại hội Đại biểu toàn quốc và các kỳ họp của Ban Chấp hành. Chuẩn bị nội dung, tổ chức các hội nghị Ban Chấp hành thường kỳ và bất thường. Theo nghị quyết của hội nghị Ban Chấp hành, đề ra chương trình công tác 6 tháng;

13.3.2. Định kỳ báo cáo tổng kết, kế hoạch hoạt động của Liên đoàn với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

13.3.3. Tùy theo yêu cầu công tác, lập ra các Ban chuyên môn giúp việc như: Ban Kiểm tra; Ban Huấn luyện Thi đấu; Ban Tổ chức - Phong trào; Ban Kinh tế Tài chính và Vận động Tài trợ; Ban Thi

đua Khen thưởng và Kỷ luật; Văn phòng Tổng hợp;

13.4. Chủ tịch LĐCVN

Chủ tịch là người chịu trách nhiệm chung về các hoạt động của Liên đoàn trước pháp luật của Nhà nước và Quốc tế, có quyền hạn, nhiệm vụ:

13.4.1. Chủ trì các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

13.4.2. Ký các văn bản quan trọng;

13.4.3. Phân công trách nhiệm cho các Phó Chủ tịch và thành viên khác trong Ban Thường vụ;

13.4.4. Triệu tập các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

13.5. Các Phó Chủ tịch LĐCVN

Các phó Chủ tịch có nhiệm vụ giúp Chủ tịch và cùng với Chủ tịch chịu trách nhiệm về công tác được giao. Phó Chủ tịch Thường trực do Chủ tịch chỉ định sẽ thay mặt Chủ tịch khi vắng và ký các văn bản do Chủ tịch ủy nhiệm.

13.6. Tổng Thư ký LĐCVN

Tổng Thư ký là người điều hành hoạt động của LĐCVN, có trách nhiệm:

13.6.1. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Ban Thường vụ về các mặt công tác của LĐCVN;

13.6.2. Đảm bảo mối quan hệ với các tổ chức FIDE, WXF, IGF, AXF, ACC và các

Liên đoàn Cờ các quốc gia và vùng lãnh thổ, các tổ chức thể thao khác;

13.6.3. Báo cáo tình hình hoạt động của LĐCVN tại các phiên họp của Ban Thường vụ, phiên họp của Ban Chấp hành hàng năm và ký các văn bản do Chủ tịch LĐCVN ủy nhiệm;

13.6.4. Giúp việc cho Tổng Thư ký có các Phó Tổng Thư ký.

13.7. Ban Thường trực LĐCVN do Ban Thường vụ thành lập, gồm có: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Thường trực, Tổng Thư ký, các Phó Tổng Thư ký có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày dưới sự điều hành của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Thường trực.

Ban Thường trực căn cứ vào yêu cầu công tác và khả năng điều kiện cán bộ mà phân công trách nhiệm cụ thể cho mỗi thành viên của Ban.

Điều 14. Các cơ quan của Liên đoàn ở cấp tỉnh

14.1. Đại hội đại biểu của Liên đoàn cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) bầu ra Ban Chấp hành Liên đoàn (hội) cấp tỉnh, có nhiệm kỳ hoạt động là 3 năm.

14.2. Đại hội đại biểu của hội cấp huyện bầu ra Ban Chấp hành Hội cấp huyện, có nhiệm kỳ hoạt động là 2 năm.

14.3. Các Ban Chấp hành nói trên cử ra ban thường trực gồm Chủ tịch hoặc

Phó Chủ tịch thường trực, Tổng thư ký, Phó Tổng thư ký để điều hành công việc hàng ngày. Các quy định cụ thể về sự hoạt động của các cơ quan của liên đoàn cấp tỉnh, cấp huyện sẽ do đại hội đề ra, phù hợp với Điều lệ Liên đoàn Cờ Việt Nam, được chính quyền địa phương phê chuẩn.

Điều 15. Cấp cơ sở

15.1. Cấp cơ sở của LĐCVN có tổ chức câu lạc bộ cờ theo đơn vị dân cư, học tập, làm việc gồm 2 hình thức chính:

15.1.1. Câu lạc bộ cờ riêng của khu tập thể, phường, xã, trường học, cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường,...

15.1.2. Câu lạc bộ cờ trong câu lạc bộ (hoặc cung văn hóa) thể thao của địa phương hoặc ngành, giới.

15.2. Câu lạc bộ kết nạp, cấp thẻ sinh hoạt hội viên, theo đơn xin gia nhập của từng người và phải hoạt động theo đúng Điều lệ của Liên đoàn và luật pháp của Nhà nước.

15.3. Câu lạc bộ họp hội nghị toàn thể hàng năm để bầu ra ban chủ nhiệm câu lạc bộ (chủ nhiệm, phó chủ nhiệm) với số lượng tùy theo quyết định của hội nghị nói trên; bàn thực hiện chủ trương, công tác, hướng dẫn của cấp trên; thông qua nội quy và chương trình hoạt động của câu lạc bộ; kiểm điểm đánh giá, rút kinh nghiệm công tác, kiểm tra tài chính, khen thưởng, kỷ luật hội viên...

15.4. Nguồn thu của câu lạc bộ do tiền hội phí, tiền quyên góp và do hoạt động dịch vụ hợp pháp.

15.5. Hội viên không đóng hội phí 6 tháng hoặc không sinh hoạt liên tục 6 tháng sẽ bị khai trừ khỏi Liên đoàn. Hội viên không muốn tham gia Liên đoàn nữa phải làm đơn và trả lại thẻ sinh hoạt câu lạc bộ.

Điều 16. Ban bảo trợ

Mỗi cấp của LĐCVN tổ chức ban bảo trợ của cấp đó, gồm những người có nhiệt tình giúp đỡ thiết thực cho Liên đoàn về tinh thần, vật chất, tài chính nhằm góp phần phát triển phong trào và giúp đỡ phát triển tài năng trẻ của đất nước.

Chương V

KỶ LUẬT VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 17. Kỷ luật

Kỷ luật của LĐCVN nhằm mục đích bảo đảm sự thống nhất, tập trung, dân chủ, phát huy sức mạnh của tất cả hội viên đóng góp trí tuệ, sức lực xây dựng Liên đoàn, thống nhất tư tưởng và hành động.

Tập thể, hội viên, nếu hành động trái với Điều lệ và nghị quyết của Liên đoàn sẽ tùy theo lỗi nặng, nhẹ mà thi hành kỷ luật ở mức độ: phê bình, khiển trách, cảnh cáo hoặc khai trừ ra khỏi Liên đoàn. Kỷ luật đối với hội viên, cán bộ cấp nào sẽ do Ban Chấp hành cấp ấy quyết định

hoặc báo cáo cấp trên. Nếu là Ủy viên thường vụ thì phải họp Ban Chấp hành cùng cấp để kiểm điểm và có nghị quyết.

Điều 18. Khen thưởng

Đối với tập thể, hội viên, cán bộ của Liên đoàn có thành tích tốt, mỗi cấp tùy theo mức độ thành tích và điều kiện mà quyết định biểu dương, cấp giấy khen và trao tặng phẩm, phần thưởng, vật chất,... Sau khi khen thưởng cần báo cáo lên cấp trên.

Hội viên có thành tích xuất sắc thì đề nghị chính quyền của cấp và liên đoàn cấp trên khen thưởng theo quy định của Nhà nước và Liên đoàn.

Chương VI

TÀI CHÍNH

Điều 19. Nguồn thu

Nguồn thu của Liên đoàn gồm các khoản sau đây:

19.1. Tiền hỗ trợ của các cơ quan nhà nước về thể dục thể thao, của Ủy ban Olympic Quốc gia;

19.2. Hội phí của hội viên và đóng góp của các hội cơ sở;

19.3. Tiền và hiện vật ủng hộ của các cơ quan, đoàn thể cá nhân trong, ngoài nước, của các tổ chức cơ các nước;

19.4. Tiền thu do các hoạt động, biên soạn, xuất bản tài liệu, tạp chí, sách, tổ

chức sản xuất và phân phối dụng cụ về cờ, các hoạt động kinh tế, kinh doanh, dịch vụ, liên doanh, liên kết ở trong nước và với nước ngoài phù hợp với luật lệ hiện hành của Nhà nước;

19.5. Lệ phí thi đấu thu từ các giải do Liên đoàn tổ chức và tham gia các hoạt động chuyên môn cờ;

19.6. Tiền trợ cấp của các tổ chức liên đoàn cờ quốc tế.

Điều 20. Các khoản chi

Các khoản chi chủ yếu của Liên đoàn gồm các khoản:

20.1. Hành chính, lương, thù lao, bảo hiểm, trợ cấp khó khăn cho cán bộ, nhân viên, các bộ phận chuyên trách, công tác phí;

20.2. củng cố, xây dựng hệ thống tổ chức và bồi dưỡng cán bộ của Liên đoàn;

20.3. Xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất, kỹ thuật, trụ sở, câu lạc bộ, thiết bị dụng cụ, sách báo, tài liệu nghiệp vụ, các hoạt động quốc tế.

20.4. Góp phần xây dựng quỹ tài năng trẻ về cờ; hỗ trợ về tập huấn, thi đấu trong và ngoài nước;

20.5. Tuyên truyền, cổ động, biên soạn, xuất bản các sách, tài liệu ấn phẩm về cờ;

20.6. Khen thưởng.

Điều 21. Trách nhiệm của Ban Thường vụ trong công tác tài chính

Ban Thường vụ LĐCVN chịu trách nhiệm quy định chế độ và kiểm tra việc thu, chi tài chính của LĐCVN.

Ban Thường trực chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, định rõ trách nhiệm để thực hiện việc chi, thu tài chính thường xuyên của Liên đoàn theo đúng chế độ, quy định của Ban Thường vụ và đúng nguyên tắc tài chính của Nhà nước.

Điều 22. Điều kiện giải thể Liên đoàn và thanh quyết toán tài sản, tài chính

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể LĐCVN hoặc các hội thuộc Liên đoàn và việc thực hiện thanh quyết toán tài sản, tài chính sau khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

Chỉ có Đại hội Đại biểu toàn quốc của Liên đoàn Cờ Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 24. Hiệu lực thi hành.

Bản Điều lệ này gồm 7 chương, 24 điều, đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV thông qua ngày 05/12/2004, tại thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ Nội vụ./.